

thông tin, báo chí ở Trung ương và địa phương phải thường xuyên tăng cường công tác truyền tin, thông báo chính xác, kịp thời các thông tin dự báo, cảnh báo về thời tiết, lũ, bão, thiên tai; các chủ trương, mệnh lệnh, chỉ thị về việc phòng, chống và khắc phục hậu quả lũ, bão và các kinh nghiệm, các điển hình trong công tác phòng chống và khắc phục hậu quả. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân những kiến thức cơ bản về phòng, tránh lũ, bão, thiên tai.

13. Các Bộ, ngành khác theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm tăng cường công tác chỉ đạo, xây dựng kế hoạch hàng năm và tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ phòng, chống lụt, bão của Bộ, ngành mình. Đồng thời phải chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, vật tư và kinh phí để chủ động tham gia phòng, chống và khắc phục hậu quả lụt, bão thiên tai theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương.

Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo dõi chặt chẽ công tác phòng, chống lụt, bão và giảm nhẹ thiên tai của các địa phương, các Bộ, ngành; đề xuất với Thủ tướng Chính phủ các biện pháp hỗ trợ kịp thời về tài chính và vật chất cho các địa phương và các ngành để khắc phục hậu quả lũ, bão, thiên tai.

Điều 4. Hàng năm, căn cứ nội dung Quyết định này, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương và các Bộ, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ của mình và tình hình diễn biến lũ, bão, thiên tai ban hành Chỉ thị về công tác phòng, chống lụt, bão, giảm nhẹ thiên tai và tổ chức, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 6. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ
số 64/2002/QĐ-TTg ngày 23/5/2002
phê duyệt Quy hoạch phát triển
ngành vật liệu nổ công nghiệp
Việt Nam đến năm 2010.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ Công nghiệp tại Công văn số 4938/CV-KHĐT ngày 20 tháng 11 năm 2001,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành vật liệu nổ công nghiệp Việt Nam đến năm 2010 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Định hướng phát triển ngành vật liệu nổ công nghiệp đến năm 2010:

Vật liệu nổ công nghiệp là sản phẩm hàng hóa đặc biệt; là loại hình sản xuất, kinh doanh có điều kiện do Nhà nước thống nhất quản lý.

Phát triển ngành vật liệu nổ công nghiệp phải đảm bảo tính đồng bộ cao từ khâu nghiên cứu, thử nghiệm, sản xuất đến khâu cung ứng, dịch

vụ nổ; nhanh chóng tiếp thu công nghệ, tiên tiến của thế giới, kết hợp với công nghệ và thiết bị hiện có trong nước để sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp đạt trình độ công nghệ cao, trở thành một ngành công nghiệp hoàn chỉnh, nhằm phục vụ tốt yêu cầu của các ngành kinh tế và tiến tới xuất khẩu; có tính đến phục vụ cho quốc phòng, an ninh. Trong quá trình sản xuất, dự trữ, vận chuyển, sử dụng phải đảm bảo tuyệt đối an toàn, bảo vệ môi trường, môi sinh.

2. Mục tiêu cơ bản của Quy hoạch phát triển ngành vật liệu nổ công nghiệp đến năm 2010:

- Đầu tư sản xuất Nitratamôn (NH_4NO_3), là một trong những nguyên liệu cơ bản sản xuất thuốc nổ, đảm bảo độ xộp và độ tinh khiết > 99,5% để chủ động cung ứng cho các cơ sở sản xuất thuốc nổ, đồng thời đầu tư cho nghiên cứu nguyên liệu khác phục vụ sản xuất phụ kiện nổ.

- Hoàn thiện, hiện đại hóa dây chuyền sản xuất thuốc nổ nhũ tương hiện có, từng bước loại bỏ dần để sau năm 2005 chỉ sử dụng không quá 5 - 10% và chỉ được sử dụng ở những nơi có điều kiện cho phép các loại thuốc nổ truyền thống, kể cả tận dụng số thuốc nổ tái chế từ thuốc nổ phế thải quốc phòng (trong thành phần có TNT).

- Nghiên cứu đầu tư sản xuất thuốc nổ nhũ tương an toàn chịu nước, sức công phá mạnh cho các mỏ hầm lò có khí Metan và bụi nổ; phát triển và hoàn thiện phương pháp sản xuất thuốc nổ nhũ tương rời, năng lượng cao trên xe chuyên dùng tại bãi nổ.

- Nghiên cứu đầu tư sản xuất một số chủng loại thuốc nổ và phụ kiện nổ phục vụ ngành dầu khí.

- Đồng bộ, hiện đại hóa dây chuyền sản xuất phụ kiện nổ: các loại mìn nổ có năng lượng cao, kíp nổ và dây phi diện để thay thế hàng nhập khẩu.

- Hoàn thiện công tác tổ chức sản xuất vật

liệu nổ công nghiệp, mạng lưới cung ứng dịch vụ nổ có chuyên môn hóa cao đáp ứng kịp thời đối với các hộ tiêu thụ đảm bảo trật tự, an toàn xã hội; chỉ duy trì hai đầu mối doanh nghiệp nhà nước sản xuất và cung ứng vật liệu nổ công nghiệp như hiện nay.

- Chú trọng phát triển công tác dịch vụ nổ trọn gói, trước hết tại các vùng công nghiệp có nhu cầu lớn; đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực và hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý nhà nước đối với ngành vật liệu nổ công nghiệp.

3. Mức sản xuất vật liệu nổ công nghiệp:

Đáp ứng đủ về số lượng và chủng loại vật liệu nổ công nghiệp với giá cả hợp lý. Dự kiến mức sản xuất và tiêu thụ thuốc nổ các loại và phụ kiện nổ (Phụ lục số 1):

- Đến năm 2005 khoảng 30.240 tấn thuốc nổ.

- Giai đoạn năm 2006 - 2010 khoảng 35.910 tấn thuốc nổ.

4. Kế hoạch phát triển:

- Giai đoạn 2002 - 2005 (Phụ lục số 2): cần sớm triển khai lập báo cáo tiền khả thi và báo cáo nghiên cứu khả thi các dự án sản xuất nguyên liệu Nitratamôn, thuốc nổ nhũ tương an toàn hầm lò, nhũ tương rời có năng lượng cao, vật liệu nổ cho ngành dầu khí, nâng cấp các loại thuốc nổ và phụ kiện nổ hiện có.

- Giai đoạn 2006 - 2010 (Phụ lục số 3): quy mô và tiến độ tùy theo tình hình thực tế của giai đoạn 2002 - 2005 sẽ được điều chỉnh cho phù hợp.

5. Nhu cầu vốn đầu tư:

a) Tổng vốn đầu tư phát triển ngành vật liệu nổ công nghiệp trong 10 năm ước tính khoảng 355 tỷ đồng, trong đó:

- Giai đoạn 2002 - 2005 khoảng 212 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2006 - 2010 khoảng 143 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn vay và huy động các nguồn vốn khác để đầu tư theo danh mục các dự án được duyệt.

- Hỗ trợ vốn từ ngân sách nhà nước cho các công tác: nghiên cứu khoa học, công nghệ (gồm nghiên cứu ứng dụng, chế tạo thử nghiệm) và dự trữ quốc gia, bảo quản vật liệu nổ công nghiệp.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Bộ Công nghiệp, với chức năng quản lý nhà nước về vật liệu nổ công nghiệp, chịu trách nhiệm chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của ngành vật liệu nổ công nghiệp phục vụ cho nền kinh tế quốc dân, tổ chức đánh giá định kỳ việc thực hiện quy hoạch và đề xuất điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế; phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật và cơ chế chính sách để phát triển ngành vật liệu nổ công nghiệp theo quy hoạch được duyệt.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu chính sách hỗ trợ, cân đối, bố trí nguồn vốn cho việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học của ngành vật liệu nổ công nghiệp và dự trữ quốc gia bảo quản vật liệu nổ công nghiệp.

3. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường phối hợp với Bộ Công nghiệp, Bộ Quốc phòng đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, nhằm tiếp thu và tổ chức triển khai ứng dụng khoa học, kỹ thuật tiên tiến của khu vực và thế giới; ban hành các quy định về công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường có liên quan đến công tác quản lý, phát triển ngành vật liệu nổ công nghiệp.

4. Bộ Quốc phòng, Tổng công ty Than Việt Nam chỉ đạo các đơn vị trực thuộc sản xuất các loại thuốc nổ, phụ kiện nổ công nghiệp đáp ứng đầy đủ cho các ngành kinh tế quốc dân; nghiên cứu, tiếp thu công nghệ để sản xuất thuốc nổ, phụ kiện nổ phục vụ cho ngành dầu khí thay thế

thuốc nổ, phụ kiện nổ phải nhập khẩu hiện nay và hướng tới xuất khẩu.

5. Tổng công ty Dầu khí Việt Nam tạo điều kiện cho các đơn vị sản xuất vật liệu nổ công nghiệp trong nước nghiên cứu, thử nghiệm để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp đạt tiêu chuẩn, đáp ứng cho việc thăm dò và khai thác dầu khí để thay thế cho việc nhập khẩu.

6. Bộ Công an phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan hoàn chỉnh các quy định về quản lý vật liệu nổ công nghiệp, kể cả xuất, nhập khẩu và chống buôn bán trái phép vật liệu nổ công nghiệp.

7. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì và phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu điều chỉnh, sửa đổi các chế độ chính sách đối với người lao động trong ngành vật liệu nổ công nghiệp; thực hiện việc kiểm tra kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động tại các cơ sở sản xuất, bảo quản, cung ứng và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

Điều 3. Các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình, chỉ đạo thực hiện nghiêm việc quản lý sản xuất, dự trữ, vận chuyển, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty Than Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

Phụ lục số 1

NHU CẦU TIÊU THỤ VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP ĐẾN NĂM 2010

(ban hành kèm theo Quyết định số 64/2002/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2002
của Thủ tướng Chính phủ).

1. Nhu cầu tiêu thụ theo khối lượng.

Năm	Tổng nhu cầu				
	Đạn* (viên)	Thuốc nổ (tấn)	Kíp nổ** (1.000 cái)	Dây các loại** (1.000 m)	Khối mìn nổ (1.000 quả)
2002	68 854	23 070	26 354	19 649	223
2005	90 254	30 240	36 493	27 668	312
2010	126 585	35 915	44 633	31 589	367

Ghi chú: * Riêng của ngành dầu khí.

** Gồm cả ngành dầu khí.

2. Nhu cầu tiêu thụ theo chủng loại sản phẩm.

Thứ tự	Chủng loại	Đơn vị	Nhu cầu		
			2002	2005	2010
1	Tổng nhu cầu thuốc nổ	Tấn	23 070	30 240	35 915
	- Zecno	Tấn	3 069	0	0
	- ANFO	Tấn	4 674	9 030	10 524
	- ANFO chịu nước	Tấn	3 487	5 175	0
	- Nhũ tương rời	Tấn	0	0	6 052
	- Nhũ tương thổi	Tấn	6 054	10 815	14 587
	- Các loại thuốc nổ truyền thống	Tấn	4 406	2 944	1 800
	- An toàn hầm lò AH ₁	Tấn	1 380	0	0
	- Nhũ tương an toàn hầm lò	Tấn	0	2 276	2 952
	2	Tổng nhu cầu đạn (cho ngành dầu khí)	Viên	68 854	90 254
- Đạn bắn thủ vĩa TCP - 89		Viên	36 380	47 687	66 883
- Đạn bắn vĩa Baracuda - 89		Viên	16 050	21 038	29 507
- Đạn bắn vĩa Baracuda - 127		Viên	16 050	21 038	29 507
- Đạn bắn cắt phá các loại		Viên	374	491	688
3	Tổng nhu cầu kíp nổ *	1.000 cái	26 354	36 493	44 633
4	Tổng nhu cầu dây nổ *	1.000 m	19 649	27 668	31 589
5	Tổng nhu cầu khối mìn nổ	1.000 quả	223	312	367

Ghi chú: * Gồm cả ngành dầu khí.

Phụ lục số 2

DANH MỤC ĐẦU TƯ NGÀNH VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

GIAI ĐOẠN 2002 - 2005

(ban hành kèm theo Quyết định số 64/2002/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2002

của Thủ tướng Chính phủ).

Thứ tự	Danh mục đầu tư	Hình thức đầu tư	Năm đầu tư	Địa điểm xây dựng	Công suất
I	Công ty Hóa chất mỏ (1 + 3)				
1	Đầu tư cho sản xuất: Dây chuyền sản xuất thuốc nổ nhũ tương hầm lò	Xây dựng mới	2002 + 2003	Quảng Ninh	2000 + 3000 tấn/năm
2	Đầu tư cho cung ứng: - Xây dựng các kho	Xây dựng mới	2002 + 2005	Sơn La, Bắc Kạn, Gia Lai, Kiên Giang	Σ 40 tấn
-	Thiết bị vận tải (ôtô, tàu biển, xà lan)	Mới	2002 + 2005	Các xí nghiệp và chi nhánh	
-	Các đầu tư khác (đường ô tô, nhà điều hành, mạng vi tính, xưởng cơ khí)	Mới	2002 + 2005		
-	Thiết bị dịch vụ nổ	Mới	2002 + 2003		
-	Xe sản xuất và nạp ANFO	Mới	2002 + 2005	Ninh Bình, Kiên Giang	2 xe 5 tấn
3	Đầu tư cho nghiên cứu thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp:				
-	Các trang, thiết bị	Mới	2002 + 2004	Quảng Ninh	

II	Các nhà máy thuộc Tổng cục Công nghiệp quốc phòng				
1	Đầu tư cho sản xuất:				
-	Dây chuyền sản xuất Nitratamôn	Xây dựng mới	2002 ÷ 2003	Vĩnh Phúc	20000 tấn/năm
-	Nâng cấp chất lượng sản phẩm thuốc nổ nhũ tương hiện có (Z 131)	Cải tạo	2003	Thái Nguyên	3000 tấn/năm
-	Nâng cấp chất lượng sản phẩm thuốc nổ nhũ tương hiện có (Z 113)	Cải tạo	2002	Tuyên Quang	3000 tấn/năm
-	Dây chuyền sản xuất mìn nổ năng lượng cao (Z 131)	Xây dựng mới	2002	Thái Nguyên	300 ÷ 500 tấn/năm
-	Dây chuyền sản xuất nguyên liệu để sản xuất phụ kiện nổ (Z 121)	Cải tạo	2002	Phú Thọ	
-	Dây chuyền sản xuất phụ kiện vi sai, phi điện và phụ kiện an toàn (Z 121)	Cải tạo, mở rộng	2003 ÷ 2004	Tuyên Quang	80 triệu cái
-	Dây chuyền sản xuất vật liệu nổ công nghiệp cho dầu khí (Z 115)	Xây dựng mới	2002 ÷ 2004	Thái Nguyên	
2	Đầu tư cho cung ứng:				
-	Xây dựng các kho	Xây dựng mới	2002 ÷ 2003	Miền Trung & Đồng Nai	150 & 120 tấn
-	Ô tô vận tải	Mới	2002 ÷ 2005	Công ty GAET	10 xe

Phụ lục số 3

DANH MỤC ĐẦU TƯ NGÀNH VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP
GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

(ban hành kèm theo Quyết định số 64/2002/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2002
của Thủ tướng Chính phủ).

Thứ tự	Danh mục đầu tư	Hình thức đầu tư	Năm đầu tư	Địa điểm xây dựng	Công suất
I	Công ty Hóa chất mỏ				
1	Đầu tư cho sản xuất:				
-	Dây chuyền sản xuất thuốc nổ nhũ tương rời	Xây dựng mới	2006	Quảng Ninh	5000 tấn/năm
2	Đầu tư cho cung ứng:				
-	Xây dựng các kho	Xây dựng mới	2006 + 2010	Nghệ An, Khánh Hòa, Hà Nam	Σ 60 tấn
-	Thiết bị vận tải (ôtô, tàu biển, xà lan)	Mới	2006 + 2010	Các xí nghiệp và chi nhánh	
-	Thiết bị bốc xếp ở cảng	Mới	2006 + 2010		
-	Các đầu tư khác (đường ô tô, nhà điều hành, mạng vi tính, xưởng cơ khí)	Mới	2006 + 2010		
3	Đầu tư cho dịch vụ nổ:				
-	Xe sản xuất và bơm nhũ tương rời	Mới	2007	Quảng Ninh	1 xe 10 tấn
II	Các nhà máy thuộc Tổng cục Công nghiệp quốc phòng				
1	Đầu tư cho sản xuất:				
-	Dây chuyền sản xuất thuốc nổ năng lượng cao (Z 115)	Xây dựng mới	2006	Thái Nguyên	2000 - 3000 tấn/năm
-	Nâng cấp công nghệ, thiết bị dây chuyền nhũ tương hiện có (Z 131)	Cải tạo	2007	Thái Nguyên	4000 tấn/năm
-	Nâng cấp công nghệ, thiết bị dây chuyền nhũ tương hiện có (Z 113)	Cải tạo	2008	Tuyên Quang	4000 tấn/năm
2	Đầu tư cho cung ứng:				
-	Ô tô vận tải	Mới	2006	Công ty GAET	2 xe